

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2026/DS-ST
Ngày: 27/5/2026.
V/v tranh chấp “Hợp đồng
vay
tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Tùng.

2. Bà Đặng Thị Tiềm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Trần Khắc Huy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

Vào ngày 27 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2026/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2026/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 153/2026/QĐST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Bé H, sinh năm 1961.

CCCD số: 082161002415.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Tăng Văn H1, sinh năm 1970 (có mặt).

CCCD số: 082070019584.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, tỉnh Đồng Tháp.

(Theo giấy ủy quyền lập ngày 28/4/2025)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1986 (xin vắng mặt).

CCCD số: 082286007680.

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1966 (có mặt).

CC số: 082166018559.

Địa chỉ: Khu phố M, phường N, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Bùi Thị Bé H có đại diện theo ủy quyền là ông Tăng Văn H1 trình bày: Do quen biết, nên bà Bùi Thị Bé H có cho bà Nguyễn Thị Ú và Nguyễn Thị Ánh T vay mượn tiền, vàng nhiều lần như sau:

+ Ngày 30/8/2020 mượn 10.000.000 đồng;

+ Ngày 14/7/2020 mượn 25.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k;

- + Ngày 20/7/2020 mượn 5.000.000 đồng;
 - + Ngày 27/7/2020 mượn 5.000.000 đồng;
 - + Ngày 26/8/2020 mượn 15.000.000 đồng.
- Tổng cộng 60.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k.

Nay bà Bùi Thị Bé H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ú và Nguyễn Thị Ánh T cùng liên đới trả cho bà H 60.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ú trình bày trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyễn Thị Ánh T là con gái của bà. Bà thống nhất bà và Nguyễn Thị Ánh T có vay mượn của bà Bùi Thị B Hai tổng cộng 60.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Bé H, bà và Ánh T đồng ý trả số tiền trên cho bà Bé H nhưng hẹn đến ngày 09/9/2026 sẽ bắt đầu trả, số tiền cụ thể chưa xác định được.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày tại bản tự khai: Thừa nhận có vay của bà Bùi Thị B Hai 60.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k. Hiện nay, do không có việc làm ổn định, đồng thời vừa trải qua tranh chấp liên quan đến đất đai, dẫn đến tài chính gặp nhiều khó khăn nên không có khả năng thanh toán ngay toàn bộ khoản tiền theo yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án cho chị được trả dần khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định đây là quan hệ tranh chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Ánh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án xét xử vắng mặt bà T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị B Hai là có căn cứ. Bởi lẽ, trong suốt quá trình giải quyết vụ án các bị đơn bà Nguyễn Thị Ú và Nguyễn Thị Ánh T thừa nhận có nợ bà Bùi Thị B Hai 60.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k và đồng ý trả cho bà H khoản nợ trên. Đây là tình tiết mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025. Do đó, buộc bà Ú và bà T phải có nghĩa vụ cùng liên đới trả cho bà H khoản nợ là 60.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về phương án trả nợ: Tại phiên tòa, do các đương sự không thống nhất được phương án trả nợ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bà

Nguyễn Thị Ú thuộc đối tượng miễn nộp án phí nên xét miễn cho bà khoản thu này. Giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 15.870.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2025; khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận câu khởi kiện của bà Bùi Thị Bé H.

Buộc bà Nguyễn Thị Ú và bà Nguyễn Thị Ánh T phải có trách nhiệm cùng liên đới trả cho bà Bùi Thị B Hai số tiền vay là 60.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 2.690.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Không phải trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Bùi Thị B Hai do bà H thuộc đối tượng miễn nộp tạm ứng án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

TM. Hội đồng xét xử
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni